TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày: 21-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÊ THỊ DIỄM**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **TRẦN THANH THUẬN-** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Hoài D,** sinh ngày 28/11/2000 tại tỉnh Tiền Giang. Đăng ký thường trú: ấp L, xã M huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: tổ 20, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn T sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1977; Chung sống như vợ chồng với Lê Thị N, sinh năm 1996; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, học đến lớp 7 nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 25/9/2021 đến ngày 28/9/2021 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang.(Bị cáo có mặt).

Bị hại:

Chị **Nguyễn Thị Tuyết N,** sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.(Vắng mặt)

2. Anh **Nguyễn Vũ Đ**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng:

Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 25/9/2021, Dương Hoài D đi bộ từ nhà của Dự tại tổ 20 ấp B xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (do D thuê của anh Nguyễn Vũ Đ) đến khu vực đường tỉnh lộ 864 ven sông Tiền thuộc ấp B, xã H mục đích tìm gà của những hộ dân để trộm cắp. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang nhà của chị Nguyễn Thị Tuyết N thuộc tổ 18 ấp B, xã H (do chị N thuê của bà Võ Thị Đ), D nhìn thấy xe mô tô hiệu Wana, màu xanh, biển số 51F7-2960, bên trong rổ xe có để 02 sợi dây ràng của chị N đậu phía trước nhà, chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa, không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp. D liền đi đến nơi để xe 51F7-2960 dẫn xe ra đường khởi động thì bị chị N phát hiện truy hô nên D điều khiển xe trộm cắp ra hướng Quốc lộ 1 rồi điều khiển xe vào đường đá xanh về hướng nhà D thuê cách nhà khoảng 7,5m cất giấu. Để tránh bị phát hiện, D đi vào tiệm sửa xe của anh Đ(phía trước nhà D thuê) lấy 01 cờ lê số 10 (dụng cụ bằng kim loại) sử dụng tháo biển số xe 51F7-2960 và 02 kính chiếu hậu ném bỏ cách nơi đậu xe 51F7-2960 khoảng 02m và lấy chìa khóa xe ném vào bụi cây cách nơi đậu xe khoảng 04m.

Sau khi bị mất trộm xe 51F7-2960, chị N đến Công an xã H trình báo, quá trình xác minh D đã thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 51F7-2960, đồng thời chỉ địa điểm cho Công an thu hồi biển số xe 51F7-2960 và 02 kính chiếu hậu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 163/KLĐG-TTHS ngày 26/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cái Bè xác định: xe mô tô hiệu Wana, màu xanh, biển số 51F7-2960 trị giá 2.700.000 đồng.

Đối với 02 sợi dây ràng đã cũ, bị hại không xác định được thời điểm mua và giá trị nên Cơ quan điều tra không tiến hành trưng cầu định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- Xe mô tô hiệu Wana, màu xanh, số máy HD1P53FMH – Y01.18469, số khung WN110*00000139; biển số 51F7-2960; 02 kính chiếu hậu; 01 sợi dây ràng màu xanh; 01 sợi dây ràng màu nâu. Ngày 03/11/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản trên cho chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- 01 cờ lê số 10.

- Đối với chìa khóa xe mô tô 51F7-2960, Dương Hoài D ném bỏ vào bụi cây gần đường đá xanh, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường, đồng thời chị Ngân đã làm đơn bãi nại cho D.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSCB ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Dương Hoài D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Dương Hoài D phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Dương Hoài D từ 09 đến 12 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên thực hành quyền công tố công bố bản cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo Dương Hoài D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu như sau: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 25/9/2021, tại nhà của chị Nguyễn Thị Tuyết N thuộc tổ 18 ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (do chị N thuê của bà Võ Thị Đ), bị cáo Dương Hoài D có hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Wana, màu xanh, biển số 51F7-2960 của chị N, trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.700.000đồng, sau đó thì bị phát hiện. Lời nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Dương Hoài D đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang man lo sợ việc trộm cắp tài sản trong nhân dân. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài bằng cách toan tính lấy cắp tài sản của người khác nên bị cáo bất chấp tất cả. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, táo bạo, xem thường pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian rèn luyện bản thân để sớm hòa nhập cộng đồng và xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có ông nội được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông cố là liệt sĩ và bà cố được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn Vũ Đ không biết Dương Hoài D lấy cờ lê số 10 của anh Đ để tháo biển số xe 51F7-2960 và 02 kính chiếu hậu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 cờ lê số 10 là của anh Nguyễn Vũ Đ, anh Đ không có yêu cầu nhận lại, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Dương Hoài D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố phía Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ vào các Điều 106, 135, khoản 2 Điều 136, 331, 332, 333, 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Dương Hoài D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Dương Hoài D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 25/9/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cờ lê số 10.(Hiện vật chứng này do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/01/2022)

3. Về án phí:

Bị cáo Dương Hoài D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Dương Hoài D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị Tuyết N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N và anh Nguyễn Vũ Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Công an huyện Cái Bè
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm